TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2019/DS-PT Ngày: 15-3-2019 V/v: Tranh chấp đòi tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2019/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1948 & Ông Đỗ Quốc C, sinh năm 1948

Cùng địa chỉ: Đội 5, thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1961 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Y.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Quang H, sinh năm 1969 - Cán bộ địa chính xã Y.

- Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Hồng T là nguyên đơn trong vụ án.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, có mặt: Bà T, ông C, ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà bà Phạm Thị Hồng T và ông Đỗ Quốc C trình bày: Năm 1994, Uỷ ban nhân dân xã Y có chủ trương bán đất ở khu vực Đồng cao thuộc cánh đồng HTX Đại Lộc. Gia đình ông bà có nhu cầu mua đất nên đã đăng ký mua và nộp tiền cho UBND xã Y 5.000.000 đồng (Có phiếu thu số 111 ngày 25/11/1994). Năm 1999, do không thấy UBND xã Y giao đất nên vợ chồng bà có lên UBND xã đòi tiền nhưng không được; lúc đó ông Cường chủ tịch nói "Đến người có chữ ký mà đòi". Vợ chồng bà đi lại mấy chục năm, yêu cầu các cấp giải quyết nhưng không được. Ngày 25/11/2014, bà và ông C được UBND xã Y mời lên họp để giải quyết về việc mua đất năm 1994, ông Nguyễn Xuân T chủ tịch xã thông báo lý do và kết luận trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho gia đình bà, còn nếu có nhu cầu mua đất tiếp ở khu vực trường cấp 1 thì phải bỏ thầu theo giá sàn. Ông C và bà không nhất trí với cách giải quyết của ông Trường và UBND xã Y. Vợ chồng bà đã làm đơn đề nghị Toà án huyện Ý Yên giải quyết buộc UBND xã Y phải trả cho vợ chồng bà 460.000.000 đồng vì giá sàn đất hiện tại ở cánh đồng Dộc cùng dẻo đất Vườn Cao là 23.000.000 đồng/ m^2. Số tiền 5.000.000 bà nộp năm 1994 tính đến thời điểm hiện tại là mua được 200m^2.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Xuân T và ông Đỗ Quang H trình bày: Nhiệm kỳ năm 1994-1999, UBND xã Y có chủ trương bán đất và thu tiền của các hộ dân có nhu cầu mua, trong đó có trường hợp của hộ ông Đỗ Quốc C, bà Phạm Thị Hồng T ở thôn Đại Lộc. UBND xã có thu của vợ chồng ông C số tiền 5.000.000 đồng có biên lai thu tiền số 111 ngày 25/11/1994. Vào giai đoạn đó có khiếu kiện của công dân về việc UBND xã Y thu tiền bán đất trái thẩm quyền, do vậy đoàn thanh tra huyện Ý Yên thực hiện chỉ đạo của UBND huyện Ý Yên về xã Y để thanh tra lại toàn bộ sự việc. Ngày 13/5/2001, UBND huyện Ý Yên có quyết định số 358 phê duyệt kết luận của đoàn thanh tra về việc sai phạm của UBND xã Y giao, bán đất trái thẩm quyền và yêu cầu UBND xã Y trả lại toàn bộ tiền đã thu cho các hộ dân. UBND xã đã trả lại cho 10 hộ còn 38 hộ chưa trả vì ngân sách xã không còn, trong đó có hộ ông C bà T. Trước những năm 2005, hộ ông C bà T đã đến UBND xã đòi lại tiền nhưng xã cũng không có trả. Ngay 25/11/2014, UBND xã Y đã mời hộ ông C, bà T lên làm việc để trả lại số tiền 5.000.000 đồng nhưng ông C bà T không nhất trí. Bà T, ông C có đơn khởi kiện yêu cầu UBND xã Y phải trả 460.000.000, UBND xã có quan điểm nhất trí mà chỉ trả số tiền thu theo hoá đơn 5.000.000 và lãi xuất tính từ năm 2001 đến năm 2014 và tính theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 313 Bộ luật dân sự năm 1995; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Công

văn ngày 24/8/2018 (BL73) của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Ý Yên tỉnh Nam Định,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quốc C và bà Phạm Thị Hồng T đối với UBND xã Y.

Buộc UBND xã Y phải trả cho vợ chồng ông Đỗ Quốc C, bà Phạm Thị Hồng T tổng số tiền là: 57.085.000 đồng *(Gồm có tiền gốc 5.000.000 đồng mà ông bà đã nộp cho UBND xã Y; tiền lãi trên số tiền gốc từ năm 1995 đến tháng 10/2018 là: 20.834.000 đồng; tiền lãi suất nợ quá hạn là:31.251.000 đồng.).*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C bà T được miễn nộp tiền án phí. Trả lại cho vợ chồng ông C bà T số tiền dự thu án phí đã nộp là 11.200.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2012/08514 ngày 20/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ý Yên tỉnh Nam Định; UBND xã Y phải nộp 300.000 đồng án phí.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 31/10/2018, nguyên đơn trong vụ án là bà Phạm Thị Hồng T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà.

Ngày 13/11/2018, Viện kiện sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đã ra Quyết định kháng nghị số 02/KN-VKS-DS với nội dung: Đề nghị TAND tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc UBND xã Y phải trả cho vợ chồng ông Đỗ Quốc C, bà Phạm Thị Hồng T số tiền gốc 05 triệu đồng mà ông bà đã nộp cho UBND xã Y và tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 13/5/2001 đến hết ngày 25/11/2014, mức lãi suất được áp dụng trong phạm vi Ngân hàng Nhà nước cho phép đối với nợ quá hạn và phần án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà, ông C và bà T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông C, bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng T và ông Đỗ Quốc C.

Thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên về thời điểm tính lãi suất, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tính lãi suất cho gia đình bà T từ ngày 25/11/2014 đến tháng 10/2018 theo mức lãi suất trong hạn để đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị Hồng T có đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên có quyết định kháng nghị trong thời hạn luật định nên được chấp nhận về mặt hình thức.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; VKSND tỉnh Nam Định thay đổi một phần kháng nghị về thời điểm tính lãi suất của VKSND huyện Ý Yên. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Phạm Hồng Tiến: Năm 1994, UBND xã Y có thu tiền của một số hộ dân trong xã để giao đất. Trong số các hộ dân có hộ gia đình bà Phạm Thị Hồng T nộp số tiền 5.000.000 đồng tại biên lai số 111 ngày 25-11-1994. Năm 2001 Thanh tra huyện Ý Yên đã tiến hành thanh tra để làm rõ các sai phạm của UBND xã Y, tại thời điểm thanh tra đã xác định được có 48 hộ dân đã nộp tiền cho UBND xã Y nhưng chưa được giao đất trong đó có trường hợp của vợ chồng ông C bà T. Tại Báo cáo số 02/KL-TTr ngày 03/5/2001 của thanh tra huyện Ý Yên đã có kết luận giao cho UBND xã Y có trách nhiệm trả lại tiền cho các hộ dân đã nộp tiền vào ngân sách nhưng chưa được giao đất. Ngày 13/5/2001 UBND huyện Ý Yên đã ban hành Quyết định số 358/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết luận số 02 của Thanh tra huyện Ý Yên. Sau khi nhận được quyết định của UBND huyện Ý Yên và báo cáo của Thanh tra huyện Ý Yên vợ chồng ông C bà T không có ý kiến phản đối gì. Ông C bà T đã nhiều lần yêu cầu UBND xã Y trả lại tiền cho mình nhưng chưa được UBND xã giải quyết. UBND xã Y nhất trí trả số tiền thu theo hoá đơn 5.000.000 và lãi xuất tính từ năm 2001 đến năm 2014 và tính theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà T là chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. Buộc UBND xã Y phải trả cho gia đình bà T số tiền 5.000.000 đồng và số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo từng thời điểm và theo qui định của pháp luật. Căn cứ Điều 291 Bộ luật Dân sự năm1995 và Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 hướng dẫn xét xử và thi hành án về tài sản; Căn cứ Công văn ngày 16/6/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Ý Yên (có biểu lãi suất kèm theo) thì từng thời điểm và mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán được xác định như sau:

- Thời điểm từ ngày nộp tiền 25/11/1994 đến ngày 12/5/2001 là thời điểm tính lãi đối với số tiền 5.000.000 đồng.

- Thời điểm từ ngày 13/5/2001 là ngày có kết luận sai phạm của UBND xã Y cho đến ngày 25/11/2014 là thời điểm UBND xã Y trả tiền cho gia đình bà T nhưng gia đình bà T từ chối nhận. Ngoài việc, UBND xã Y phãi trả lãi đối với số tiền 5.000.000 đồng thì còn phải chịu lãi suất quá hạn 150% đối với số tiền 5.000.000 đồng.

- Thời điểm từ ngày 26/11/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30/10/2018), UBND xã Y không có lỗi trong việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho gia đình bà T nhưng UBND xã Y vẫn quản lý số tiền 5.000.000 đồng nên vẫn phải chịu lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Bảng kê chi tiết từng thời điểm và mức lãi suất cụ thể:

Số tiền gốc	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất %	Số tiền lãi	Lãi suất quá hạn %	Số tiền lãi
5,000,000	25-11-1994	31-12-1995	401	33.6	1,845,699	100	1,845,699
5,000,000	01-01-1996	31-12-2000	1,826	24	6,003,288	100	6,003,288
5,000,000	01-01-2001	12-05-2001	131	18	323,014	100	323,014
5,000,000	13-05-2001	31-12-2003	962	18	2,372,055	150	3,558,082
5,000,000	01-01-2004	31-12-2004	365	13.8	690,000	150	1,035,000
5,000,000	01-01-2005	31-12-2005	364	12	598,356	150	897,534
5,000,000	01-12-2006	31-12-2006	30	12	49,315	150	73,973
5,000,000	01-01-2007	31-12-2007	364	12	598,356	150	897,534
5,000,000	01-01-2008	26-02-2008	56	12	92,055	150	138,082
5,000,000	27-02-2008	06-03-2008	9	17.4	21,452	150	32,178
5,000,000	07-03-2008	17-03-2008	10	18	24,658	150	36,986
5,000,000	18-03-2008	21-04-2008	34	18.6	86,630	150	129,945
5,000,000	22-04-2008	21-05-2008	29	21	83,425	150	125,137
5,000,000	22-05-2008	27-07-2008	66	18	162,740	150	244,110
5,000,000	28-07-2008	29-09-2008	63	20.4	176,055	150	264,082
5,000,000	30-09-2008	20-10-2008	20	19.5	53,425	150	80,137
5,000,000	21-10-2008	04-11-2008	14	19.5	37,397	150	56,096
5,000,000	05-11-2008	30-11-2008	25	18	61,644	150	92,466
5,000,000	01-12-2008	04-12-2008	3	16.5	6,781	150	10,171
5,000,000	05-12-2008	22-12-2008	17	15	34,932	150	52,397
5,000,000	22-12-2008	19-02-2009	59	12.72	102,805	150	154,208
5,000,000	20-02-2009	30-11-2009	283	10.5	407,055	150	610,582
5,000,000	01-12-2009	28-02-2010	89	12	146,301	150	219,452
5,000,000	01-03-2010	30-06-2010	121	15.5	256,918	150	385,377
5,000,000	01-07-2010	09-11-2010	131	15	269,178	150	403,767
5,000,000	10-11-2010	26-11-2010	16	16.5	36,164	150	54,247

5,000,000	27-11-2010	12-12-2010	15	17	34,932	150	52,397
5,000,000	13-12-2010	03-01-2011	21	19	54,658	150	81,986
5,000,000	04-01-2011	12-02-2011	39	18	96,164	150	144,247
5,000,000	13-02-2011	22-02-2011	9	17.5	21,575	150	32,363
5,000,000	23-02-2011	10-03-2011	15	18	36,986	150	55,479
5,000,000	11-03-2011	14-03-2011	3	18.6	7,644	150	11,466
5,000,000	15-03-2011	29-03-2011	14	19	36,438	150	54,658
5,000,000	30-03-2011	12-04-2011	13	19.5	34,726	150	52,089
5,000,000	13-04-2011	30-04-2011	17	20.5	47,740	150	71,610
5,000,000	01-05-2011	18-05-2011	17	21	48,904	150	73,356
5,000,000	19-05-2011	31-08-2011	104	22	313,425	150	470,137
5,000,000	01-09-2011	09-11-2011	69	20.5	193,767	150	290,651
5,000,000	10-11-2011	29-02-2012	111	20	304,110	150	456,164
5,000,000	03/01/2012	31-03-2012	88	19	229,041	150	343,562
5,000,000	01-04-2012	07-05-2012	36	19.5	96,164	150	144,247
5,000,000	08-05-2012	11-06-2012	34	19.5	90,822	150	136,233
5,000,000	12-06-2012	16-07-2012	34	16.5	76,849	150	115,274
5,000,000	16-07-2012	28-02-2013	227	15	466,438	150	699,658
5,000,000	01-03-2013	09-03-2014	373	13	664,247	150	996,370
5,000,000	10-03-2014	16-07-2014	128	12.5	219,178	150	328,767
5,000,000	17-07-2014	29-09-2014	74	11.5	116,575	150	174,863
5,000,000	30-10-2014	25-11-2014	26	10	35,616	150	53,425
5.000.000	26-11-2014	30-10-2018	1434	9,5	1.866.164	100	1.866.164
Lãi suất							**24.428.708**
Tiền gốc							**5.000.000**
Tổng							**29.428.500**

Như vậy, cần buộc UBND xã Y phải trả cho gia đình bà T đã nộp và số tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tổng là 29.428.500 đồng.

Ngoài ra, bà T còn yêu cầu UBND xã Y phải trả cho vợ chồng bà 460.000.000 đồng vì giá sàn đất hiện tại ở cánh đồng Dộc cùng dẻo đất Vườn Cao là 23.000.000 đồng/ m^2. Số tiền 5.000.000 bà nộp năm 1994 tính đến thời điểm hiện tại là mua được 200m^2. Yêu cầu này của bà T không được chấp nhận, vì như nhận định ở trên thì việc thu số tiền 5.00.000 đồng để giao đất là sai phạm của UBND xã Y, mọi quyền lợi phát sinh đối với số tiền nêu trên đã được giải quyết theo qui định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng nghị của VKSND huyện Ý Yên: Căn cứ Điều 291 Bộ luật Dân sự năm1995 và Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 hướng dẫn xét xử và thi hành án về tài sản, HĐXX chấp nhận một phần nội dung kháng nghị của VKSND huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đối với Bản án số 07/2018/DSST ngày 30-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên và phần thay đổi kháng nghị về thời điểm tính lãi suất của VKSND tỉnh Nam Định tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Về án phí: UBND xã Y phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của bà T, ông C được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Bà T, ông C là người cao tuổi được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Không nhận kháng cáo của bà Phạm Hồng Tiến, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 313 Bộ luật dân sự năm 1995; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quốc C và bà Phạm Thị Hồng T đối với UBND xã Y.

2. Buộc UBND xã Y phải trả cho vợ chồng ông Đỗ Quốc C, bà Phạm Thị Hồng T số tiền đã nộp 5.000.000 đồng và số tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 24.428.500 đồng. Tổng là 29.428.500 đồng (Hai mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Quốc C bà Phạm Thị Hồng T được miễn nộp tiền án phí. Trả lại cho vợ chồng ông C bà T số tiền dự thu án phí là 11.200.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2012/08514 ngày 20/3/2018 và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0000946 ngày 31/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

UBND xã Y phải nộp số tiền là 1.471.000 (Một triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSD-TAND huyện Ý Yên;
- Chi cục THA DS huyện Ý Yên;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Anh Tuấn